



**WSS**

**CHỨNG KHOÁN PHỔ WALL**

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013**

Hà Nội, 4/2014

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	2
<b>I. Thông tin chung</b> .....	5
1. Thông tin khái quát.....	5
2. Quá trình hình thành phát triển.....	5
3. Ngành nghề kinh doanh.....	6
3.1. Ngành nghề kinh doanh.....	6
3.2. Địa bàn kinh doanh.....	6
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
4.1. Sơ đồ tổ chức mô hình quản trị, bộ máy quản lý công ty.....	6
4.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có.....	7
5. Định hướng phát triển.....	7
5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	7
5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	7
6. Các loại rủi ro.....	8
6.1. Biến động về tăng trưởng kinh tế.....	8
6.2. Lạm phát.....	8
6.3. Rủi ro lãi suất.....	8
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2013.....	8
1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch.....	10
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
2.1 Ban điều hành.....	10
2.1.1 Tổng Giám đốc.....	10
2.1.2 Phó Tổng Giám đốc.....	12
2.2. Cơ cấu và chính sách lao động của Công ty.....	13
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	14
3.1. Đầu tư và dự án.....	14
3.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có.....	15
4. Tình hình tài chính.....	15
4.1. Tình hình tài chính.....	15



4.2. Các chỉ tiêu về tài chính chủ yếu .....	15
5. Cơ cấu cổ đông.....	16
5.1. Cổ phần: .....	16
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	16
5.2.1 Cơ cấu vốn của Công ty tính đến ngày 02/04/2014.....	16
5.2.2. Thông tin về cổ đông sáng lập tính đến 02/04/2014 .....	16
5.2.3. Thông tin về cổ đông nước ngoài tính đến 02/04/2014.....	17
5.2.4. Thông tin về cổ đông tổ chức tính đến 02/04/2014.....	18
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có .....	19
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có .....	19
5.5. Các chứng khoán khác: Không có.....	19
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.....	19
2. Tình hình tài chính .....	20
2.1. Tình hình tài sản .....	20
2.2. Tình hình công nợ.....	21
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý .....	22
4. Kế hoạch phát triển tương lai.....	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY .....	23
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty .....	23
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban giám đốc Công ty.....	24
3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị .....	24
VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	24
1. Hội đồng quản trị .....	25
1.1. Danh sách hội đồng quản trị.....	25
1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có.....	25
1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	25
1.4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: .....	25
1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có .....	26
1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.....	26
2. Ban kiểm soát .....	26
2.1. Danh sách ban kiểm soát.....	26

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát .....	26
3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty.....	27
3.1. Thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty .....	27
3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	27
3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.....	27
3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty .....	27
VI . BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013 .....	27
1. Ý kiến kiểm toán.....	27
2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013 .....	30



## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được chính thức thành lập theo Giấy phép số 86/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/12/2007; Giấy phép thành lập và hoạt động điều chỉnh số 303/UBCK – GP cấp ngày 24/2/2010 với các nghiệp vụ: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành và Lưu ký chứng khoán.

Cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall là các doanh nghiệp danh tiếng có tiềm lực tài chính lớn, gồm có: Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông, Tổng Công ty Đức Giang, và một số cổ đông cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng. Ngoài ra, WSS còn nhận được sự quan tâm chiến lược từ nhiều tổ chức tài chính trong nước và quốc tế.

Giới thiệu về Công ty:

- **Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
- **Tên Tiếng Anh:** Wall Street Securities Company
- **Logo:** 
- **Vốn điều lệ:** 503.000.000.000 VND (Năm trăm lẻ ba tỷ đồng)
- **Trụ sở chính:** Tầng 9, Toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Lán Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại:** (84.4) 3824 8686/ 3936 7083 Fax: (84.4) 3936 7082
- **Email:** [info@wss.com.vn](mailto:info@wss.com.vn)
- **Website:** <http://www.wss.com.vn>
- **Mã số thuế:** 0102590252
- **Mã cổ phiếu:** wss
- **Thời gian hoạt động của Công ty:** Không giới hạn

### 2. Quá trình hình thành phát triển

- Ngày 30/1/2008, WSS trở thành thành viên giao dịch thứ 65 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 45/QĐ-TTGDHN.
- Ngày 29/2/2008, Tổng Giám đốc Trần Đắc Sinh đã ký Quyết định số 73/QĐ-SGDHCM chấp nhận WSS là thành viên giao dịch thứ 73 của Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM.
- Tháng 11/2009, WSS thực hiện chào bán 19,8 triệu cổ phiếu ra công chúng tang, tăng vốn Điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 366 tỷ đồng.

- Ngày 15/12/2009, WSS chính thức niêm yết 16,8 triệu cổ phiếu trên SGDCK Hà Nội.
- Ngày 1/6/2010, Chi nhánh Sài Gòn của Chứng khoán Phố Wall chính thức khai trương tại địa chỉ số 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM.
- Ngày 09/7/2010, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (WSS) ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Công ty Chứng khoán Alba-ace (Nhật Bản).
- Ngày 8/8/2010, Chứng khoán Phố Wall khai trương Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm tại địa chỉ 46 Ngô Quyền, Hà Nội.
- Ngày 25/01/2011, WSS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh-Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 07/GPĐC-UBCKNN với số vốn điều lệ là 503.000.000.000 đồng.

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

#### **3.1. Ngành nghề kinh doanh**

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Lưu ký chứng khoán
- Nghiên cứu – phân tích
- Tư vấn thu tóm và sáp nhập doanh nghiệp (M&A)
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- Dịch vụ hỗ trợ tài chính
- Bảo lãnh phát hành

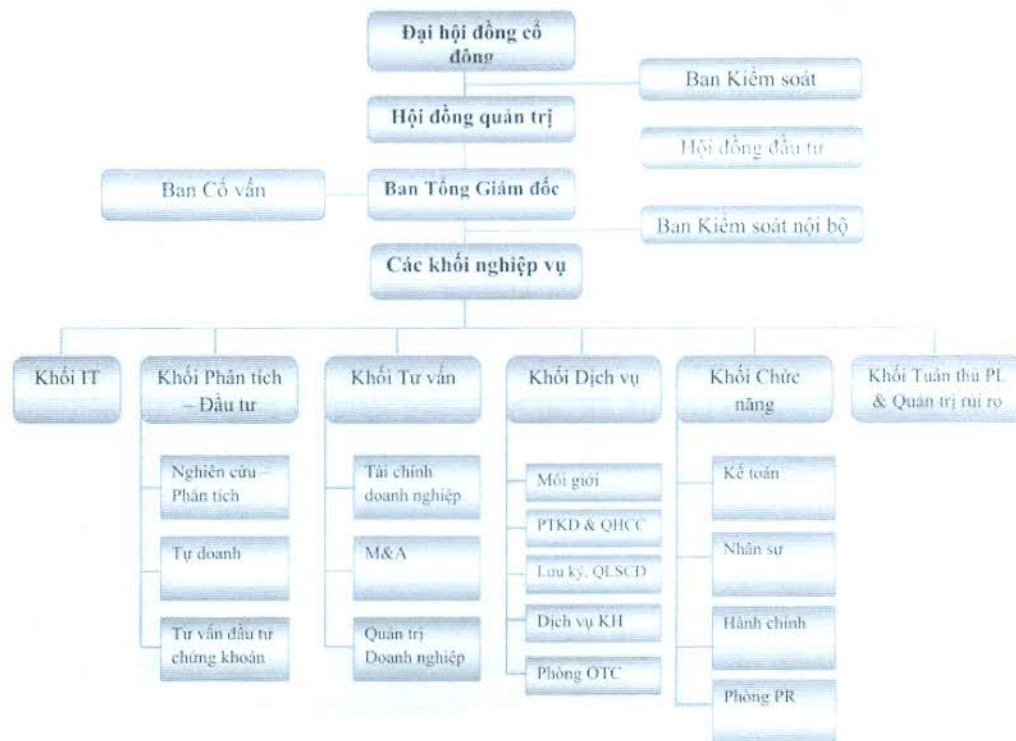
#### **3.2. Địa bàn kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty trải khắp cả nước tuy nhiên hiện nay chủ yếu công ty tập trung hoạt động mạnh tại Hà Nội.

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **4.1. Sơ đồ tổ chức mô hình quản trị, bộ máy quản lý công ty**





## 4.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Xây dựng thị trường chứng khoán, quan hệ hợp tác hiệu quả, bền vững và minh bạch; làm cầu nối giữa các nhà đầu tư trong, ngoài nước, các định chế tài chính và các doanh nghiệp nhằm mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng, cán bộ nhân viên và cổ đông của Công ty;
- Xây dựng và gìn giữ uy tín của công ty bằng sự chuyên nghiệp, chính trực và cẩn trọng trong từng hành động;
- Chăm lo, bồi dưỡng nâng cao năng lực các thành viên Công ty nhằm xây dựng tập thể trình độ chuyên nghiệp cao, đoàn kết và có tinh thần đồng đội.

### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thu hút và xây dựng đội ngũ nhân lực có trình độ cao, giàu kinh nghiệm;
- Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm phát triển của công ty chứng khoán thành công trên thế giới để trở thành công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam;

- Phát triển mạng lưới chi nhánh, đại lý trong toàn quốc, xây dựng văn phòng đại diện tại một số nước trong khu vực và trên thế giới;
- Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Phát triển thêm những sản phẩm, dịch vụ mới nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng;
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, sáp nhập và mua bán doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, hướng tới trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu của Việt Nam;
- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng cho các hoạt động của Công ty.

## 6. Các loại rủi ro

### 6.1. Biến động về tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán. Nền kinh tế tăng trưởng tốt cùng với những triển vọng sáng sủa sẽ kéo theo sự tăng trưởng và phát triển của trường chứng khoán, ngược lại khi có mối đe dọa đến sự ổn định và phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán ắt sẽ có phản ứng tiêu cực, đó là sự suy giảm cả về chỉ số giá, cả về tính thanh khoản của thị trường. Hoạt động của các công ty chứng khoán trong một chừng mực nào đó sẽ bị ảnh hưởng.

### 6.2. Lạm phát

Nền kinh tế phát triển thường đi đôi với lạm phát. Tuy nhiên, lạm phát cao lại là nguy cơ gây bất ổn đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, do đó tác động tiêu cực đến thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

### 6.3. Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.

Đối với các Công ty chứng khoán tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm 2013

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tăng giảm (%)
Doanh thu	24.420.000.000	20.764.871.592	85,03%
Chi phí	24.166.919.403	19.987.019.326	82,70%
Lợi nhuận trước thuế	3.049.192.183	778.165.024	25,52%



Lợi nhuận sau thuế		778.165.024	
Cổ tức (%)	-	-	-
EPS	(24)	15	-

## 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: 1.000.000 VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2013	Tỷ lệ thực hiện 2013	
	2012	2013		So với Kế hoạch	So với 2012
Doanh thu	33.096	20.765	24.420	85,03%	62,74%
Chi phí	34.289	19.987	24.167	82,70%	58,29%
Lợi nhuận trước thuế	(1.193)	778.165	3.049	25,52%	-
Cổ tức (%)		-	-	-	-
EPS (VNĐ/1 CP)	(24)			-	-

Doanh thu năm 2013 của công ty chỉ đạt 85,03% so với kế hoạch năm 2013 đặt ra bằng 62,74% so với thực hiện năm 2012. Các chỉ tiêu trong năm 2013 đều thấp hơn so với kế hoạch.

Trong bối cảnh của nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn thể hiện qua các yếu tố vĩ mô như sức cầu tiêu thụ thấp, hàng tồn kho nhiều, tốc độ tăng trưởng GDP cả năm chỉ đạt 5,42% (thấp hơn so với kế hoạch chính phủ và quốc hội đặt ra là 5,5%). Trong khi đó, thị trường chứng khoán biến động thất thường là nguyên nhân chủ yếu khiến các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty không đạt kế hoạch đề ra từ đầu năm.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc theo các lĩnh vực do Tổng Giám đốc phân công.

Trong năm 2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty không có sự thay đổi vẫn là 01 Tổng giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc.

Thông tin sơ lược về Ban Tổng Giám đốc Công ty:

#### 2.1.1 Tổng Giám đốc

Họ và tên	: PHẠM ĐIỂM HOA
Ngày sinh	: 01/10/1976
Giới tính	: Nữ
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh



Số CMTND	: 011768946, ngày cấp: 25/06/2008, nơi cấp: Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 40 Ấu Triệu, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: 40 Ấu Triệu, Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính
Quá trình công tác	: Từ năm 2000 - 2001: Công tác tại Phòng thương mại và Công nghiệp Việt nam; Từ năm 2001 - 2005: Công tác tại Công ty Chứng khoán Melbourne, Úc; Từ năm 2006 - 2007: Công tác tại Công ty TNHH Du lịch – Thương mại Mỹ Việt; Từ tháng 12/2007 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.
Chức vụ hiện nay	: Phó Chủ tịch HĐQT – Kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 805.000 cổ phần
<u>Trong đó</u>	
- Cổ phần phổ thông	: 805.000 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: 11.300.000 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không

### 2.1.2 Phó Tổng Giám đốc

<b>Họ và tên</b>	<b>: NGUYỄN VIỆT THẮNG</b>
Ngày sinh	: 19/9/1984
Giới tính	: Nam
Nơi sinh	: Hà Nội
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Số CMTND	: 012222383, ngày cấp: 19/04/1999, nơi cấp: Hà Nội
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	: 302 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Chỗ ở hiện tại	: 20A Lô 3 Đền Lừ II, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại cơ quan	: 04.39367083
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân chuyên ngành tài chính
Quá trình công tác	Từ tháng 5/2008 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.
Chức vụ hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các tổ chức khác	: Không
Số cổ phần nắm giữ	: 0 cổ phần
<i>Trong đó</i>	
- Cổ phần phổ thông	: 0 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết	: 0 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	: Không
Các khoản nợ đối với công ty	: Không
Lợi ích liên quan đến công ty	: Không



## 2.2. Cơ cấu và chính sách lao động của Công ty

### *Cơ cấu lao động của Công ty năm 2013*

Trình độ học vấn	Tổng cộng
- Trên đại học	5
- Đại học	37
- Cao đẳng, trung cấp, PTTH	3
<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>

Sang năm 2014, Công ty có kế hoạch duy trì quy mô và cơ cấu nhân sự như hiện nay, trong trường hợp cần thiết, có thể chỉ bổ sung số lượng không lớn.

#### **Chính sách lao động của Công ty:**

##### **Thời gian làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc đột xuất cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của các nhân viên trong Công ty.

##### **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết**

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng Quy định của Luật Lao động, CBCNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

##### **Điều kiện làm việc**

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho nhân viên. Tạo điều kiện tốt nhất phục vụ cho công việc của từng bộ phận trong Công ty. Luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của tất cả cán bộ công nhân viên trong thời gian sớm nhất.

##### **Chính sách thu hút nhân tài**

WSS dành chính sách lương, thưởng và nhiều chế độ đãi ngộ cho các cán bộ, chuyên viên giỏi, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của nhằm tạo sự khuyến khích tinh thần làm việc, nâng cao chất lượng công việc. Mặt khác, đây cũng là cách thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc tại Công ty.

##### **Đào tạo nâng cao trình độ**

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

##### **Chính sách thưởng**

Quy định khen thưởng áp dụng đối với toàn thể nhân viên có thành tích trong lao động và



nghiêm chỉnh thực hiện Quy định làm việc này. Cụ thể như sau:

- Được tuyên dương trước toàn Công ty;
- Được cân nhắc áp dụng các chế độ khen thưởng như: thưởng đột xuất, thưởng tháng, thưởng quý, thưởng năm bằng tiền mặt hoặc cổ phần của Công ty và áp dụng chế độ nâng lương (theo Quy chế tiền lương, thưởng của mỗi Công ty trong Tập đoàn);
- Được tham gia các khoá đào tạo chuyên môn miễn phí theo yêu cầu của công việc;
- Được hưởng chế độ đãi ngộ khác như: tham gia mua cổ phiếu của Công ty và Tập đoàn theo giá ưu đãi, đi tham quan nghỉ mát (trong nước và nước ngoài) căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty và Tập đoàn. v.v...

### **Chính sách lương**

Chính sách lương của WSS đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực, trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, nhân viên còn được hưởng lương, thưởng công việc theo năng suất và hiệu quả công việc.

### **Bảo hiểm và phúc lợi**

WSS thực hiện việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo đúng Quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với nhiều phòng khám đa khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ CBCNV. Cũng từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi, hàng năm công ty tổ chức cho toàn bộ nhân viên đi nghỉ mát tại một số khu du lịch cao cấp trong nước. Chính các hoạt động này đã góp phần gắn kết và tăng cường tính tập thể và xây dựng nên một tập thể nhân viên vững mạnh.

### **Tuân thủ nội quy và quy chế làm việc**

Tất cả các cá nhân trong Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ mọi Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty, của pháp luật về lao động được bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

## **3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**

### **3.1. Đầu tư và dự án**

Các khoản đầu tư dài hạn của WSS trong năm 2013 cơ bản vẫn được duy trì do thị trường chưa thuận lợi. Các khoản đầu tư lâu dài đảm bảo tuân thủ chặt chẽ yêu cầu: an toàn, hiệu quả.

#### **Đầu tư dài hạn vào Tổng Công ty Đức Giang**

Công ty đã đầu tư tài chính dài hạn 25.569.800.000 đồng vào Tổng công ty Đức Giang. Tổng Công ty Đức Giang có vốn điều lệ: 51.855.000.000 đồng, vốn chủ sở hữu: 102.185.135.905 đồng.

#### **Đầu tư vào Công ty cổ phần khoáng sản Thiên Đức**



Công ty đã đầu tư dài hạn vào Công ty cổ phần khoáng sản Thiên Đức số tiền là 5.077.358.494 đồng.

#### **Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và Sân golf Đầm Vạc**

Công ty đầu tư tổng số tiền 28.336.500.000 đồng vào Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và sân golf Đầm Vạc, đơn vị đang sở hữu Sân golf Đầm Vạc và bất động sản liền kề. Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu nghỉ dưỡng và sân golf Đầm Vạc hiện nay là 391 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã dần dần ổn định, doanh thu thường xuyên cơ bản đủ bù đắp chi phí.

#### **Đầu tư vào Công ty TNHH MTV Điện máy**

Công ty đầu tư 6.000.000.000 đồng vào CT TNHH MTV Điện máy. CTCP TNHH MTV Điện máy sau khi thực hiện cổ phần hoá có mức vốn điều lệ là 86.900.000.000 đồng.

### **3.2. Công ty con, công ty liên kết: Không có**

## **4. Tình hình tài chính**

### **4.1. Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	527.567.246.353	517.156.813.163	(1,97)%
Doanh thu thuần	33.095.598.872	20.764.871.592	(37,26)%
Lợi nhuận từ hoạt động HĐKD	(1.193.317.328)	777.852.266	(165,18)%
Lợi nhuận khác	689.867	312.758	(54,66)%
Lợi nhuận trước thuế	(1.192.627.461)	778.165.024	(165,25)%
Lợi nhuận sau thuế	(1.192.627.461)	778.165.024	(165,25)%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

### **4.2. Các chỉ tiêu về tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	17,74	55,54
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]		17,74	55,54
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	3,3	1,2
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	3,41	1,22
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	lần	-	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản		%	6,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	3,75
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-	0,15
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	0,15

+ Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	VNĐ/cp	-	3,74
+ Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)		-	15

## 5. Cơ cấu cổ đông

### 5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 50.300.000 cổ phần (năm mươi triệu lẻ ba trăm nghìn)

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 50.300.000 cổ phần (năm mươi triệu lẻ ba trăm nghìn)

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không có

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

#### 5.2.1 Cơ cấu vốn của Công ty tính đến ngày 02/04/2014

STT	Cổ đông	Số cổ phần	VĐL hiện tại (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông sáng lập và cổ đông phổ Thông</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
	Cổ đông sáng lập	14.600.000	146.000.000.000	29,03%
	Cổ đông phổ thông	35.700.000	357.000.000.000	70,97%
2	<b>Cổ đông trong nước và nước ngoài</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
	Cổ đông trong nước	48.279.300	482.793.000.000	95,98%
	Cổ đông nước ngoài	2.020.700	20.207.000.000	4,02%
3	<b>Cổ đông là tổ chức và cá nhân</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
	Cổ đông là tổ chức	5.909.000	59.090.000.000	11,75%
	Cổ đông cá nhân	44.391.000	443.910.000.000	88,25%
4	<b>Cơ cấu vốn</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>
	Cổ đông lớn (trên 5%)	11.300.000	113.000.000.000	22,47%
	Cổ đông nắm giữ từ 1% -5%	19.605.250	196.052.500.000	38,98%
	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	19.394.750	193.947.500.000	38,55%

#### 5.2.2. Thông tin về cổ đông sáng lập tính đến 02/04/2014

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Sacom	KCN Biên Hoà 1, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai	2.000.000	20.000.000.000	3,98%
2	Tổng Công ty Đức Giang	Số 59 Đức Giang, P. Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	0	0	0,00%



3	Nguyễn Đình Tú	Số 97 Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	11.300.000	113.000.000.00 0	22,47%
4	Ngô Tiến Minh	88 ngõ Lương Sứ C, Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	1.300.000	13.000.000.000	2,58%

### 5.2.3. Thông tin về cổ đông nước ngoài tính đến 02/04/2014

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	CHEN WAN HUI	No 78, De An Road, Taiping, Taichung, Taiwan	10.000	100.000.000	0,02%
2	Chung Jae Kang	103-602, Kangbyeonwooseung APT, 546-7 Guui-dong, Gwangjin-gu, Seoul, Korea	226.000	2.260.000.000	0,45%
3	EUNJA KANG	United States	330.000	3.300.000.000	0,66%
4	Kishimoto Yoko	222 Sakanao, Sakaemachi, Inba-gun, Chiba 270-1513, Japan	1.000	10.000.000	0,00%
5	Kwon Oh Hoon	203-1401, Gireum New Town, Gireumdong, Seoungbukgu, Seoul, Korea	40.000	400.000.000	0,08%
6	LAI YEN FU	86 Duong 10 So 11 Binh Phu 2- P10-Q6	1.000	10.000.000	0,00%
7	Lien Morita	881 Wachi Muraoka-ku, Kami-cho, Mikata-gun, Aichi, Japan	100.000	1.000.000.000	0,20%
8	Liu Kuo Chih	No.49, Cyudong Village, Touwu Township, Miaoli County 362, Taiwan	10.000	100.000.000	0,02%
9	Park Byung Woon	101-1601 Dream Riververvill, 30/3 Dangsandong, 378 Young Dzung poku, Seoul, Korea	200.000	2.000.000.000	0,40%
10	Shinichi Sano	307 La Maree Shirokane, 2-5-5, Shirogane, Minato-ku, Tokyo, Japan	300	3.000.000	0,00%
11	Takehiko Ikenaga	YOSHIHAMA-CHO, 1-2-1514 NAKA-KU, YOKOHAMA, KANAGAWA PREF. JP	17.500	175.000.000	0,03%
12	Wataru Miyazawa	6-5-5-603 chuourinkan Yamatoshi, Kanagawa-ken, Japan	1.000	10.000.000	0,00%
13	YANG TAO MING	4F, #32 Chenda 3rd Street, Taipei 11699 Taiwan (R.O.C)	2.000	20.000.000	0,00%



14	ASEAN SMALL CAP FUND	89 Nexus Way Camana Bay, Grand Cayman, KY1-9007, Cayman Islands	1.076.900	10.769.000.000	2,14%
15	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	5.000	50.000.000	0,01%
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.020.700</b>	<b>20.207.000.000</b>	<b>4,02%</b>

#### 5.2.4. Thông tin về cổ đông tổ chức tính đến 02/04/2014

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 909	Lô C14, ô D21 Khu đô thị Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu giấy HN	112.000	1.120.000.000	0,22%
2	Công Ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình	356 Phố Huế - Hai Bà Trưng - Hà Nội	900.000	9.000.000.000	1,79%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	Tầng 2, Toà nhà 71 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, HN	50	500.000	0,00%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	1, tầng 10, tầng 11 Tháp BIDV - 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	50	500.000	0,00%
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	G4A, Khu phố 4, Tân Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai	50.000	500.000.000	0,09%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	Khu Công nghiệp Biên Hoà I, Đồng nai	2.000.000	20.000.000.000	3,98%
7	Công ty TNHH một thành viên Thép Phúc Tiến	307 Tam Trinh, Q Hoàng Mai, Hà Nội	40.000	400.000.000	0,08%
8	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	Số 46 Ngô Quyền, Hà Nội	1.725.000	17.250.000.000	3,43%
9	ASEAN SMALL CAP FUND	89 Nexus Way Camana Bay, Grand Cayman, KY1-9007, Cayman Islands	1.076.900	10.769.000.000	2,14%
10	SBI SECURITIES CO.,LTD.	6-1 ROPPONGI 1-CHOME, MINATO-KU, TOKYO, JAPAN	5.000	50.000.000	0,01%



Tổng cộng

5.909.000 59.090.000.000 11,75%

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có**

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**

**5.5. Các chứng khoán khác: Không có**

### **III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013**

##### **Hoạt động môi giới**

Hoạt động kinh doanh môi giới phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường chứng khoán ở từng giai đoạn trong năm 2013: hồi phục trong quý 1 nhưng lại trầm lắng trong quý 2,3 và chỉ tới quý 4 thì thị trường mới có chuyển biến. Trong năm 2013 vừa qua, sự thanh lọc, đào thải giữa các công ty chứng khoán là rất khắc nghiệt khi nhiều nhà đầu tư đã mất niềm tin vào các công ty chứng khoán nhỏ và phần lớn trong số này đã buộc phải đóng cửa do lợi dụng tiền của nhà đầu tư hoặc vi phạm về các quy định trong quản trị,.... Chính điều đó vô hình chung sẽ tạo điều kiện để các công ty chứng khoán lớn ngày càng củng cố vị thế của mình trên thị trường, khách hàng đang có sự chuyển dịch về các công ty lớn và bỏ dần tài khoản tại các công ty nhỏ và ít danh tiếng. Theo thống kê hiện tại chỉ có khoảng 40% các công ty chứng khoán còn duy trì hoạt động và có doanh thu trong tổng số hơn 100 công ty.

Trong điều kiện đó cùng với sự lên xuống thất thường của thị trường, khối môi giới cũng đã hết sức cố gắng với mục tiêu củng cố lại đội ngũ môi giới, xây dựng lại chính sách kinh doanh, thay đổi phần mềm, phương thức hoạt động và tích cực tìm kiếm những nhóm khách hàng có giao dịch thường xuyên, những môi giới từ các công ty chứng khoán khác về WSS làm việc, tuy nhiên kết quả thu được từ hoạt động môi giới trong năm 2013 vẫn còn nhiều hạn chế, tổng doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán trong năm 2013 chỉ đạt 3.722.680.617 đồng.

##### **Hoạt động tư vấn**

Trong năm 2013, doanh thu từ hoạt động tư vấn có bước đột phá tốt hơn so với năm 2012 do ký kết được hợp đồng tư vấn lớn với TH1, ngoài ra khối tư đã khai thác được một phần thị trường phía Nam với các hợp đồng tư vấn tổng thể với Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6 và đã thực hiện hóa được doanh thu. Chính vì vậy mà doanh thu khối tư vấn đạt trong năm 2013 đạt được 1.220.454.545 đồng vượt hơn 20% so với kế hoạch đề ra. Bên cạnh việc tiếp tục được gia hạn các hợp đồng tư vấn thường niên và phục vụ các khách hàng lâu dài của công ty như SCIC, công ty đã ký các hợp đồng tư vấn mới và đang tổ chức thực hiện. Giá trị mỗi hợp đồng tư vấn nhìn chung cao hơn các năm trước do công ty đã có các khách hàng lớn và cung cấp được các giải pháp tư vấn hiệu quả và kịp thời cho doanh nghiệp

Trong năm 2013 mảng dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp cho nhà đầu tư nước ngoài vẫn bị ách tắc. Nhiều nhà đầu tư nước ngoài mà Công ty đang làm việc



chưa sẵn sàng và lùi thời điểm đầu tư vào thị trường Việt Nam do họ đánh giá môi trường đầu tư còn nhiều rủi ro, đặc biệt là rủi ro chính sách.

### Hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu khác đạt 18.877.115.356 đồng chủ yếu đến từ việc kinh doanh về vốn của Công ty trên cơ sở khai thác được một số nguồn vốn giá rẻ và mặt khác tận dụng những khoảng thời gian nhàn rỗi trong việc sử dụng vốn của Công ty.

### Chi phí

Chiếm tỷ trọng chủ yếu trong chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán là chi phí đầu tư, góp vốn. Kế tiếp là chi phí trả hoa hồng cho các môi giới chứng khoán nói chung cũng khá cao, còn lại các khoản chi phí có liên quan tới các quản lý doanh nghiệp đều được cắt giảm tối đa, duy trì ở mức hợp lý

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
<b>Doanh thu</b>	<b>20.764.871.592</b>	<b>33.095.598.872</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.722.680.617	2.115.490.547
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.218.886.140	6.912.223.192
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.220.454.545	45.454.545
Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.231.000	574.000
Doanh thu khác	13.602.850.290	24.021.856.588
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>20.764.871.592</b>	<b>33.095.598.872</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11.626.952.668</b>	<b>21.398.328.222</b>
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.137.918.924</b>	<b>11.697.270.650</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.360.066.658	12.890.587.978
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>777.852.266</b>	<b>(1.193.317.328)</b>
Thu nhập khác	312.800	1.036.134
Chi phí khác	42	346.267
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>312.758</b>	<b>689.867</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>778.165.024</b>	<b>(1.192.627.461)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>778.165.024</b>	<b>(1.192.627.461)</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15</b>	<b>(24)</b>

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
<b>Tổng tài sản</b>	<b>527.567.246.353</b>	<b>517.156.813.163</b>	<b>(1,97)</b>



<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>308.805.570.465</b>	<b>345.486.917.289</b>	<b>11,88</b>
Tiền và tương đương tiền	70.117.099.557	50.019.910.999	(28,66)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	224.122.364.055	259.954.099.982	15,99
Các khoản phải thu ngắn hạn	460.654.629	21.719.756.438	4.614,98
Hàng tồn kho	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	14.105.452.224	13.793.149.870	(2,21)
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>218.761.675.888</b>	<b>171.669.895.874</b>	<b>(21,53)</b>
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
Tài sản cố định	3.508.208.957	2.010.912.261	(42,68)
Bất động sản đầu tư	-	-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	196.019.330.000	101.411.156.257	(48,26)
Tài sản dài hạn khác	19.234.136.931	68.247.827.356	254,83

Tổng tài sản năm 2013 giảm 1,97% so với năm 2012. Trong đó tài sản ngắn hạn năm 2013 tăng 11,88%, tài sản dài hạn giảm 21,53% so với năm 2012.

Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu do các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 15,99%, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 4.614,98% .

Tài sản dài hạn giảm chủ yếu do các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 48,26%, tài sản dài hạn khác tăng 254,83%

## 2.2. Tình hình công nợ

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
<b>Nợ phải trả</b>	<b>17.409.180.459</b>	<b>6.220.582.245</b>	<b>(64,27)</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>17.409.180.459</b>	<b>6.220.582.245</b>	<b>(64,27)</b>
Vay và nợ ngắn hạn	1.800.000.000	-	(100,00)
Phải trả người bán	1.180.562.250	543.879.565	(53,93)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	40.533.309	379.894.358	837,24
Phải trả người lao động	13.040.598	373.323.218	2.762,78
Chi phí phải trả	114.743.719	379.563.629	230,79
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.776.169.049	3.882.390.747	(71,82)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	126.399.194	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	484.131.534	484.131.534	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả dài hạn	-	-	-



Vay và nợ dài hạn	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	-	-	-

Nợ phải trả năm 2013 giảm 64,27% so với năm 2012. Công ty không có nợ dài hạn trong những năm qua vì vậy nợ phải trả chính là toàn bộ khoản nợ ngắn hạn.

Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu do khoản phải trả người bán giảm 53,93%

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Công ty chủ trương tiếp tục duy trì bộ máy nhân sự gọn nhẹ và áp dụng cơ chế linh hoạt, tuyển dụng khi cần thiết, chủ yếu ưu tiên phục vụ phát triển kinh doanh. Số nhân sự hưởng lương cố định toàn Công ty khoảng 40 người, số nhân sự hưởng lương theo doanh số (môi giới) sẽ không giới hạn số lượng.

### 4. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới

Với chính sách hỗ trợ nền kinh tế chính phủ đã đưa mặt bằng chung lãi suất giảm tiếp so với năm 2013 ngoài ra còn hỗ trợ doanh nghiệp với những gói ưu đãi về lãi suất cũng như kích cầu tiêu dùng và bất động sản khiến cho nền kinh tế trong năm 2014 dự kiến có nhiều tín hiệu tích cực hơn. Tuy nhiên những khó khăn của nền kinh tế năm 2014 vẫn còn hiện hữu và không phải được cải thiện ngay lập tức được trong ngắn hạn. Nhìn chung thị trường chứng khoán trong năm 2014 sẽ có nhiều tín hiệu khả quan và đó cũng là cơ hội tốt để WSS nắm bắt thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2014.

#### Hoạt động môi giới

Phương hướng để gia tăng và phát triển khách hiện nay là công ty chứng khoán phải có hệ thống cơ sở công nghệ giao dịch online tốt, các dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư có nhiều tiện ích và nhanh chóng cũng như chính sách hỗ trợ có hiệu quả cho khách hàng. Trong thời kỳ hiện nay, giao dịch không sàn là một điều hiển nhiên mà các công ty chứng khoán đều nắm rõ và cạnh tranh nhau rất nhiều. Vấn đề tốc độ đường truyền, giao dịch trực tuyến qua mạng, ... có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giao dịch chứng khoán và thu hút khách hàng. Trong năm 2013 Công ty đã hợp tác với Ngân hàng BIDV để thực hiện tách bạch tài khoản của nhà đầu tư, triển khai hệ thống để kết nối trực tuyến với ngân hàng cho phép khách hàng mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng để thực hiện giao dịch. Sang năm 2014 WSS sẽ phải đưa ra những phương án đầu tư, nâng cấp, để cung cấp được nhiều hơn các sản phẩm, dịch vụ với nhiều tiện ích, tính năng ưu việt hơn.

Dự kiến doanh thu: 12 tỷ

#### Hoạt động tư vấn

Đây là mảng dịch vụ tư vấn cần được ưu tiên tập trung khai thác. Với định hướng đó, Công ty tập trung khai thác mối quan hệ với các đối tác nước ngoài, tận dụng triệt để cơ hội tư vấn cho nhóm khách hàng này để nhằm mang lại doanh thu lớn cho Công ty.

Mục tiêu của chính phủ trong giai đoạn 2014-2015 là quyết liệt thực hiện đẩy mạnh việc cổ phần hoá các Tổng công ty và thoái vốn đầu tư của nhà nước cũng như các tổng công ty tập đoàn tại những doanh nghiệp ngoài ngành. Năm 2014 sẽ là năm rất sôi nổi trong hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Công ty đang hết sức chú trọng tận dụng các cơ hội



để đột phá khai thác chào mời các doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ tư vấn truyền thống như cổ phần hoá, định giá doanh nghiệp, thoái vốn nhà nước, tư vấn phát hành cho một số Tổng Công ty và Tập đoàn lớn trong thời gian tới. Về nhân sự tư vấn, với khối lượng công việc dự kiến trong năm 2014 và 2015 hoạt động tư vấn sẽ cần bổ sung thêm những nhân sự có khả năng chuyên môn cao trình độ và kinh nghiệm lâu năm để có thể thực hiện các hợp đồng tư vấn lớn trong thời gian tới.

Doanh thu hoạt động tư vấn dự kiến trong năm 2014 như sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Doanh thu	6.000.000.000
2	Chi phí	1.000.000.000
<b>Lợi nhuận dự kiến</b>		<b>5.000.000.000</b>

#### Hoạt động đầu tư, tự doanh

Trước tình hình thực tế thị trường đang sôi động và có nhiều tích cực và các cơ hội tăng giá cổ phiếu trong năm 2014 là rất tiềm năng. Thị trường Việt Nam đang dần hồi phục và trở về ổn định so với các thị trường chứng khoán trong khu vực. Chiến lược hiện tại của Khối tự doanh là bám sát thị trường, đề xuất cơ hội đầu tư ngắn hạn khi xuất hiện cơ hội. Tùy tình hình thị trường và giá trị giải ngân ngắn hạn khoảng 10-20 tỷ, lợi suất kỳ vọng với mỗi đợt giải ngân từ 5-10%/ đợt giải ngân.

Số tiền (tỷ đồng)	Lãi suất kỳ vọng tối thiểu	Thời gian đầu tư	Lợi nhuận dự kiến (tỷ đồng)
10-20	5-10%	01/07-31/12/2013	1-2

#### Hoạt động đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư mà WSS còn nắm giữ đều ở trên giá vốn và đã mang lại hiệu quả. Trong năm 2014, chiến lược đầu tư của công ty hướng đến các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa. Dựa trên các phân tích đánh giá về thị trường, về bản thân doanh nghiệp, WSS sẽ có thể tham gia với tư cách là các cổ đông lớn, nắm quyền chi phối. Bởi trong số hơn 400 DNNN phải cổ phần hóa trong giai đoạn 2014- 2015, có nhiều doanh nghiệp có lợi thế trong thương mại như ngành nghề độc quyền, có giá trị tài sản lớn nhưng lại làm ăn không hiệu quả. Đây sẽ là cơ hội để WSS đầu tư vào nhằm tái cấu trúc lại doanh nghiệp, gia tăng doanh thu, lợi nhuận; mang lại cơ hội sinh lời với tỷ suất cao từ hoạt động đầu tư dài hạn

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty



Nhìn chung, kết quả các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có nhiều điểm sáng hơn so với năm 2012. Về môi giới doanh số trong năm tăng hơn so với năm 2012 hơn 75% tuy nhiên mức doanh thu trên vẫn chưa thể hiện tiềm năng thực sự của Công ty. Nguyên nhân do việc phòng tránh rủi ro nên Công ty không cung cấp đòn bẩy tài chính cao, điều chỉnh danh mục ký quỹ cho khách hàng theo xu hướng thận trọng, an toàn

Về mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp, năm 2013 doanh thu từ hoạt động tư vấn có bước đột phát tốt hơn so với năm 2012 do ký kết được hợp đồng tư vấn lớn với một số khách hàng chiến lược. Ngoài ra khối tư vấn cũng đã chủ động khai thác một phần thị trường phía Nam với các hợp đồng tư vấn vừa và nhỏ với một số Tổng công ty và đã thực hiện hóa được doanh thu. Chính vì vậy mà doanh thu khối tư vấn đạt trong năm 2013 đạt được 1.220.454.545 đồng vượt hơn 20% so với kế hoạch đề ra.

Các khoản đầu tư dài hạn của WSS trong năm 2013 vẫn được duy trì. Hội đồng quản trị đánh giá các khoản đầu tư dài hạn của Công ty là ít rủi ro. Công ty sẽ thực hiện thu hồi các khoản đầu tư này vào thời điểm thích hợp.

Chi phí hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty giảm mạnh tới gần 46% so với năm 2012 do thị trường chứng khoán trong năm có sự tăng trưởng tốt Công ty đã thực hiện việc hoàn nhập dự phòng khiến chi phí hoạt động kinh doanh giảm điều này đã đóng góp phần lớn vào kết quả kinh doanh của Công ty trong năm.

Tóm lại, kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty mặc dù không đạt được kế hoạch đề ra nhưng với tình hình chung nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán còn nhiều rủi ro biến động kết quả kinh doanh của công ty vẫn có lãi là điều đáng ghi nhận cho sự nỗ lực cố gắng của Hội đồng Quản trị Công ty

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban giám đốc Công ty**

Đối với Ban điều hành, HĐQT hết sức tin tưởng vào năng lực lãnh đạo và phẩm chất đạo đức của từng cá nhân, cụ thể Ban điều hành đã:

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện những chiến lược mà HĐQT đề ra một cách nhanh chóng, đúng hướng và hiệu quả.
- Linh hoạt trong quá trình điều hành, đảm bảo kết quả thực hiện đúng mục tiêu đề ra.
- Báo cáo trung thực mọi hoạt động của Ban điều hành và hoạt động của công ty cho HĐQT theo định kỳ và bất kỳ khi nào cần thiết.
- Công khai minh bạch, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

## **3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị**

Trên cơ sở nhận định tình hình như trên, định hướng một số mảng hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2014 như sau:

- Do thanh khoản thị trường tốt hơn, xu hướng chung thị trường tốt hơn nên nhiều nhà đầu tư quan tâm tới thị trường hơn, do vậy Công ty sẽ củng cố lại hoạt động môi giới thông qua việc quan tâm đầu tư cả về công nghệ, nhân sự, dịch vụ tài chính. Về cơ chế, chính sách môi giới, tiếp tục duy trì chiến lược ổn định và mở rộng thận trọng hoạt động môi giới bằng cơ chế hoa hồng hấp dẫn. Bên cạnh đó,



tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động giao dịch, dịch vụ tài chính.

- Đối với hoạt động đầu tư, tư tưởng chủ đạo vẫn là thận trọng để bảo toàn vốn, chỉ tham gia đầu tư lớn khi có tín hiệu và nhìn thấy cơ hội rõ ràng.
- Cố gắng tận dụng khai thác cơ hội tư vấn tài chính doanh nghiệp, để hoạt động này mang lại doanh thu tốt và bền vững cho Công ty.
- Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để khai thác hiệu quả nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác phân tích dự báo, theo dõi sát tình hình vĩ mô và biến động của nền kinh tế để một mặt hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng, mặt khác phục vụ đắc lực hoạt động đầu tư.
- Nâng cao chất lượng công tác quản trị rủi ro các mặt hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu nhân sự, chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, tiếp tục đào tạo, nâng cao tính chuyên nghiệp cho đội ngũ, cán bộ, nhân viên.

## VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Chức vụ quản lý điều hành tại WSS
1	Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	11.300.000	
2	Phạm Diễm Hoa	Phó chủ tịch thường trực	805.000	Tổng Giám đốc
3	Phạm Thị Lợi	Thành viên	100.000	
4	Ngô Tiến Minh	Thành viên	1.300.000	
5	Phạm Đức Long	Thành viên	100	
6	Phạm Xuân Phương	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 27/4/2013)	1.700.000	

#### 1.2. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013, HĐQT Công ty đã thường xuyên theo dõi sát diễn biến của nền kinh tế và biến động của thị trường để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời cho các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chủ tịch HĐQT đã thường xuyên làm việc tại Công ty, hàng tuần, tháng họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các cấp quản lý để theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.

Định kỳ, HĐQT họp để đánh giá kết quả hoạt động của Công ty và định hướng hoạt động cho thời gian tiếp theo.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp bất thường để xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **1.4. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:**

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ hiện nay của Công ty gồm:

- Ông Phạm Đức Long
- Ông Ngô Tiến Minh
- Bà Phạm Thị Lợi

#### **1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

**1.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có**

## **2. Ban kiểm soát**

### **2.1. Danh sách ban kiểm soát**

<b>BAN KIỂM SOÁT</b>		
<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Trần Đình Tùng	Trưởng ban
2	Trịnh Công Thắng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2013)
3	Nguyễn Thị Thu Thơm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27/4/2013)
4	Đặng Thanh Lan	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/4/2013)
5	Đào Thị Bích Khánh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27/4/2013)

### **2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế Toán và các văn bản pháp quy có liên quan; kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2013 của Công ty, cụ thể là:

Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;



Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các Quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;

Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;

Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; Giám sát ban lãnh đạo công ty thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;

Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

### **3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty**

#### **3.1. Thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty**

Đại hội cổ đông năm 2013 đã nhất trí thông qua mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là 1,2 tỷ đồng

#### **3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch HĐQT	5.300.000	10,53	11.300.000	22,47	Tham gia giao dịch cổ phiếu
2	Phạm Diễm Hoa	Tổng Giám đốc	305.000	0.60	805.000	1,60	Tham gia giao dịch cổ phiếu
3	Nguyễn Thị Thu Thơm	Thành viên Ban Kiểm soát	6.000	0,01	0		Tham gia giao dịch cổ phiếu

#### **3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có**

#### **3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Trong năm 2013, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên, và hàng năm đến các nhà đầu tư.

## **VI . BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2013**

### **1. Ý kiến kiểm toán**

Công ty kiểm toán: Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Ý kiến kiểm toán:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên qua đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Vấn đề khác

Công ty ký hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà 163 Đại La và 152 Ngọc Lâm với Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển đô thị Phố Wall từ năm 2011, tổng giá trị đầu tư là 108 tỷ VND. Tuy nhiên, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán có hiệu lực từ 15/01/2013 không cho phép góp vốn mua bất động sản. Hội đồng Quản trị Công ty đã có nghị quyết về việc thoái vốn khỏi hoạt động này và Công văn gửi cho đối tác về việc xin rút vốn đã được đối tác chấp thuận. Năm



2013, Công ty đã thực hiện thu hồi 83 tỷ VND trong đó thu tiền về 33 tỷ VND còn lại bù trừ công nợ phải thanh toán với hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất tại tầng 01 và tầng 02 tòa nhà 163A Đại La, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall.

## 2. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		
<b>A. HẠN</b>	<b>345.486.917.289</b>	<b>308.805.570.465</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>50.019.910.999</b>	<b>70.117.099.557</b>
1. Tiền	19.019.910.999	10.337.099.557
2. Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	59.780.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>259.954.099.982</b>	<b>224.122.364.055</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	260.933.584.892	227.232.990.142
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(979.484.910)	(3.110.626.087)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>21.719.756.438</b>	<b>460.654.629</b>
1. Phải thu của khách hàng	277.159.625	64.962.956
2. Trả trước cho người bán	5.592.779.065	14.950.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	15.621.786.965	-
5. Các khoản phải thu khác	253.030.783	395.741.673
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(25.000.000)	(15.000.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>13.793.149.870</b>	<b>14.105.452.224</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	29.030.931	369.944.941
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.087.487.179	1.207.625.523
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	11.830.431.760	11.830.431.760
5. Tài sản ngắn hạn khác	846.200.000	697.450.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>171.669.895.874</b>	<b>218.761.675.888</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>2.010.912.261</b>	<b>3.508.208.957</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	1.956.114.503	3.066.794.687
- Nguyên giá	9.985.323.078	10.575.635.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	(8.029.208.575)	(7.508.840.725)
3. Tài sản cố định vô hình	54.797.758	441.414.270
- Nguyên giá	2.265.299.300	2.312.949.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.210.501.542)	(1.871.535.030)



<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>101.411.156.257</b>	<b>196.019.330.000</b>
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	64.983.658.494	86.806.900.000
Đầu tư dài hạn		
4. khác	39.950.000.000	122.950.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.522.502.237)	(13.737.570.000)
<b>Tài sản dài hạn</b>		
<b>V. khác</b>	<b>68.247.827.356</b>	<b>19.234.136.931</b>
Chi phí trả trước dài hạn		
1. hạn	15.616.536.729	17.126.901.639
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán Tài sản dài hạn	2.371.312.002	1.863.956.667
4. khác	50.259.978.625	243.278.625
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b><u>517.156.813.163</u></b>	<b><u>527.567.246.353</u></b>

BỐ  
 ĐNG  
 Ô PH  
 VG K  
 Ô W  
 ĐA -

NGUỒN VỐN	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>6.220.582.245</b>	<b>17.409.180.459</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>6.220.582.245</b>	<b>17.409.180.459</b>
Vay và nợ ngắn hạn	-	1.800.000.000
1. hạn	-	1.800.000.000
2. Phải trả người bán	543.879.565	1.180.562.250
3. Người mua trả tiền trước	51.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	379.894.358	40.533.309
4. Phải trả người lao động	373.323.218	13.040.598
5. Chi phí phải trả	379.563.629	114.743.719
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.882.390.747	13.776.169.049
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	126.399.194	-
9. Khoản	484.131.534	484.131.534
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>510.936.230.918</b>	<b>510.158.065.894</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>510.936.230.918</b>	<b>510.158.065.894</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	8.353.605.115	8.353.605.115
8. chính		
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(417.374.197)	(1.195.539.221)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>517.156.813.163</b>	<b>527.567.246.353</b>

TP. HỒ CHÍ MINH  
 QUẬN 1  
 TÊN  
 HỌ  
 AL  
 TP.



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>1. Doanh thu</b>	<b>20.764.871.592</b>	<b>33.095.598.872</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.722.680.617	2.115.490.547
2.218.886.140      6.912.223.192		
Doanh thu hoạt động tư vấn	1.220.454.545	45.454.545
Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.231.000	574.000
Doanh thu khác	13.599.619.290	24.021.856.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>20.764.871.592</b>	<b>33.095.598.872</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11.626.952.668</b>	<b>21.398.328.222</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>9.137.918.924</b>	<b>11.697.270.650</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.360.066.658	12.890.587.978
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>777.852.266</b>	<b>(1.193.317.328)</b>
8. Thu nhập khác	312.800	1.036.134
9. Chi phí khác	42	346.267
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>312.758</b>	<b>689.867</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>778.165.024</b>	<b>(1.192.627.461)</b>
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>778.165.024</b>	<b>(1.192.627.461)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15</b>	<b>(24)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	3.445.084.707	16.590.736.099
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	(1.688.725.431)	(13.749.223.879)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	-
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	689.148.836.940	327.369.067.886
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	(733.662.451.198)	(295.631.201.259)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	-	666.480.000
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	-	(24.666.480.000)
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(5.882.420.710)	(7.749.700.170)
9. Tiền chi trả cho người lao động	(3.519.255.350)	(3.362.627.920)
10. Tiền chi trả lãi vay	(194.274.444)	(3.303.753.614)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
12. Tiền thu khác	5.873.116.589	1.406.730.449
13. Tiền chi khác	(5.344.053.451)	(4.277.725.277)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(51.824.142.348)</b>	<b>(6.707.697.685)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	(17.345.111.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(618.271.598.187)	(285.376.009.678)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	609.941.657.237	236.035.597.177
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(129.220.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	159.292.385.487	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	15.585.632.386	30.853.973.205
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>37.328.076.923</b>	<b>(35.831.551.114)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-



3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	37.000.000.000	173.870.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(38.800.000.000)	(172.070.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(3.807.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(5.607.000.000)</b>	<b>1.800.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(20.103.065.425)</b>	<b>(40.739.248.799)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>70.117.099.557</b>	<b>110.856.348.356</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	5.876.867	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>50.019.910.999</b>	<b>70.117.099.557</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20/12/2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 9, Tòa Nhà ICON4, Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 503.000.000.000 đồng; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

#### 2.3 . Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính



Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### **2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### **2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

#### **2.7 . Chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.



## **2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## **2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

## **2.10 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



### **2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm.

### **2.15 . Ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.16 . Các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>			<b>25.483.231.441</b>	<b>112.577.641</b>	<b>583.030.869</b>	<b>1.439.911</b>	<b>(979.484.910)</b>	<b>(50.434.752)</b>	<b>25.086.777.400</b>	<b>63.582.800</b>
<i>Chứng khoán niêm yết</i>			<i>25.481.237.441</i>	<i>110.583.641</i>	<i>583.030.869</i>	<i>1.439.911</i>	<i>(978.237.910)</i>	<i>(49.923.752)</i>	<i>25.086.030.400</i>	<i>62.099.800</i>
MBB	52.188	-	694.100.400	-	-	-	(31.312.800)	-	662.787.600	-
ACB	30	30	867.485	867.485	-	-	(399.485)	(378.485)	468.000	489.000
AGF	10	6	259.800	211.800	-	-	(60.800)	(82.800)	199.000	129.000
BCC	40	40	536.000	536.000	-	-	(308.000)	(368.000)	228.000	168.000
CIC	33	33	513.000	513.000	-	-	(453.600)	(443.700)	59.400	69.300
CSM	120.000	-	4.524.000.000	-	-	-	(204.000.000)	-	4.320.000.000	-
CTN	33	33	858.000	858.000	-	-	(656.700)	(712.800)	201.300	145.200
CTS	21	21	405.300	405.300	-	-	(258.300)	(252.000)	147.000	153.300
DAE	61	61	829.600	829.600	207.400	-	-	(207.400)	1.037.000	622.200
DCS	12	12	238.800	238.800	-	-	(192.000)	(195.600)	46.800	43.200
DIC	6.641	6.386	66.805.890	66.805.890	-	-	(19.654.790)	(23.381.090)	47.151.100	43.424.800
HAI	18	18	580.500	580.500	-	-	(175.500)	(144.900)	405.000	435.600
HPC	239	239	4.800.400	4.800.400	-	-	(3.892.200)	(3.892.200)	908.200	908.200
HT1	7	7	108.500	108.500	-	-	(73.500)	(79.800)	35.000	28.700
ITA	221.998	-	1.553.986.000	-	-	-	(88.799.200)	-	1.465.186.800	-
ITC	15	15	480.000	480.000	-	-	(364.500)	(358.500)	115.500	121.500
KDC	7	7	310.000	310.000	47.000	-	-	(30.000)	357.000	280.000
MCO	14	14	267.400	267.400	-	-	(219.800)	(211.400)	47.600	56.000
NBP	62	62	1.537.600	1.537.600	-	-	(502.200)	(750.200)	1.035.400	787.400
NHC	33	33	1.333.200	1.333.200	-	-	(643.500)	(706.200)	689.700	627.000
NSC	9	8	312.800	312.800	380.200	51.200	-	-	693.000	364.000
OGC	20.000	-	240.000.000	-	-	-	(24.000.000)	-	216.000.000	-
PIT	5	5	68.000	68.000	-	-	(34.000)	(37.000)	34.000	31.000
PLC	143	133	1.510.000	1.510.000	1.106.900	657.900	-	-	2.616.900	2.167.900
PVC	10	10	259.000	259.000	-	-	(114.000)	(128.000)	145.000	131.000
PVI	51	51	1.085.988	1.085.988	-	-	(162.888)	(310.788)	923.100	775.200
PVS	90	60	1.489.341	1.279.341	337.659	-	-	(451.341)	1.827.000	828.000
QNC	72	72	2.338.300	2.338.300	-	-	(1.942.300)	(1.942.300)	396.000	396.000
REE	4	4	66.401	66.401	51.999	-	-	(1)	118.400	66.400
SDD	18	18	192.590	192.590	-	-	(125.990)	(134.990)	66.600	57.600
SFC	2	2	93.000	93.000	-	-	(45.000)	(47.000)	48.000	46.000
SHB	230.000	-	1.725.000.000	-	-	-	(138.000.000)	-	1.587.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÓ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
SHS	120	120	1.381.000	1.381.000	-	-	(661.000)	(769.000)	720.000	612.000
SJE	80	80	2.250.000	2.250.000	-	-	(970.000)	(1.618.000)	1.280.000	632.000
STB	2	2	41.997	41.997	-	-	(7.597)	(2.197)	34.400	39.800
TCM	2	2	35.800	35.800	5.400	-	-	(24.200)	41.200	11.600
TCR	6	6	52.800	52.800	-	-	(29.400)	(26.400)	23.400	26.400
THI	416.752	26	12.463.979.989	340.589	580.357.611	345.811	-	-	13.044.337.600	686.400
THT	100	100	1.896.100	1.896.100	-	-	(836.100)	(856.100)	1.060.000	1.040.000
TNA	3	3	60.300	60.300	11.700	-	-	(14.700)	72.000	45.600
TPH	72	72	720.000	720.000	-	-	(244.800)	(295.200)	475.200	424.800
TTC	20	20	200.000	200.000	40.000	-	-	(94.000)	240.000	106.000
TXM	75	75	727.500	727.500	-	-	(247.500)	(472.500)	480.000	255.000
VC1	80	80	3.832.000	3.832.000	-	-	(2.552.000)	(2.480.000)	1.280.000	1.352.000
VC2	57	57	2.086.200	2.086.200	-	-	(1.510.500)	(1.556.100)	575.700	530.100
VC9	75	75	1.950.000	1.950.000	-	-	(1.432.500)	(1.530.000)	517.500	420.000
VCG	150.492	92	1.718.047.837	3.487.837	-	-	(198.078.637)	(2.705.837)	1.519.969.200	782.000
VCS	76	76	2.605.023	2.605.023	-	-	(1.579.023)	(1.814.623)	1.026.000	790.400
VGS	19	19	473.100	473.100	-	-	(364.800)	(381.900)	108.300	91.200
VIC	14	11	495.000	495.000	485.000	385.000	-	-	980.000	880.000
VIS	194.850	-	2.455.110.000	-	-	-	(253.305.000)	-	2.201.805.000	-
VTO	5	5	59.500	59.500	-	-	(28.000)	(36.500)	31.500	23.000
<b>Chứng khoán Upcom</b>			<b>1.994.000</b>	<b>1.994.000</b>	-	-	<b>(1.247.000)</b>	<b>(511.000)</b>	<b>747.000</b>	<b>1.483.000</b>
HBD	60	60	882.000	882.000	-	-	(210.000)	(252.000)	672.000	630.000
V11	40	40	840.000	840.000	-	-	(780.000)	-	60.000	840.000
VSP	10	10	272.000	272.000	-	-	(257.000)	(259.000)	15.000	13.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>			<b>235.450.353.451</b>	<b>227.120.412.501</b>	-	-	-	<b>(3.060.191.335)</b>	<b>235.450.353.451</b>	<b>224.060.221.166</b>
Tiền gửi Ngân hàng TMCP Bắc Á			98.550.353.451	125.114.034.667	-	-	-	-	98.550.353.451	125.114.034.667
Hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	102.006.377.834	-	-	-	(3.060.191.335)	-	98.946.186.499
Ủy thác đầu tư tài chính (i)	-	-	52.000.000.000	-	-	-	-	-	52.000.000.000	-
Ủy thác đầu tư tài chính (ii)	-	-	60.000.000.000	-	-	-	-	-	60.000.000.000	-
Hợp đồng REPO chứng khoán (iii)			24.900.000.000	-	-	-	-	-	24.900.000.000	-
			<b>260.933.584.892</b>	<b>227.232.990.142</b>	<b>583.030.869</b>	<b>1.439.911</b>	<b>(979.484.910)</b>	<b>(3.110.626.087)</b>	<b>260.537.130.851</b>	<b>224.123.803.966</b>

**(i) Hợp đồng ủy thác đầu tư tài chính số 02.12.2013/UTĐT/WSS-WSG ngày 27/12/2013 ký với Công ty Cổ phần Vàng Phố Wall (bên B)**

Tổng vốn đầu tư: 52.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (Bên A) chuyển vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Vàng Phố Wall để đầu tư theo danh mục đầu tư được thống nhất với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall.

Lãi đầu tư: theo kết quả thực tế đầu tư.

Thời hạn hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng

Khi chấm dứt hợp đồng Bên B phải chuyển trả đầy đủ tài sản ủy thác đầu tư cho bên A, chuyển trả lãi cam kết thực hiện theo quy định của hợp đồng.

**(ii) Hợp đồng ủy thác đầu tư tài chính số 01.12.2013/UTĐT/WSS-WSG ngày 26/12/2013 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HKC Việt Nam (bên B)**

Tổng vốn đầu tư: 60.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (Bên A) chuyển vốn đầu tư cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HKC để đầu tư theo danh mục đầu tư được thống nhất.

Lãi đầu tư: theo kết quả thực tế đầu tư.

Thời hạn hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng

Khi chấm dứt hợp đồng Bên B phải chuyển trả đầy đủ tài sản ủy thác đầu tư cho bên A, chuyển trả lãi cam kết thực hiện theo quy định của hợp đồng.

**(iii) Hợp đồng 01/2013/HĐKH/WSS-HFC ngày 25/12/2013 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HKC Việt Nam (bên B)**

Bên B đề xuất bán chứng khoán chưa niêm yết vô điều kiện cho bên A (Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1) số lượng 4.000 CP, giá trị: 24.900.000.000 đồng.

Thời hạn hợp đồng: từ ngày 25/12/2013 đến ngày 24/06/2014.

Giá mua lại tại ngày 24/06/2014 được xác định bằng 24.900.000.000 đ Cộng với chi phí là 1.888.250.000 đ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>64.962.956</b>	-	<b>50.000.000</b>	<b>6.519.341.489</b>	<b>6.307.144.820</b>	<b>277.159.625</b>	-	<b>50.000.000</b>	(25.000.000)
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	50.000.000	-	50.000.000	-	-	50.000.000	-	50.000.000	(25.000.000)
- Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần	3.374.500	-	-	2.087.450.000	2.090.824.500	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vàng Phố Wall	-	-	-	39.279.604	10.234.409	29.045.195	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại XNK HFC Việt Nam	-	-	-	62.250.000	-	62.250.000	-	-	-
- Tổng CTy Xây dựng Công trình Giao Thông 6 - TNHH MTV	-	-	-	183.000.000	158.000.000	25.000.000	-	-	-
- Thuế TNCN của nhà đầu tư	11.588.456	-	-	4.147.361.885	4.048.085.911	110.864.430	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>14.950.000</b>	-	-	<b>30.100.000.000</b>	<b>24.522.170.935</b>	<b>5.592.779.065</b>	-	-	-
- Công ty CP truyền thông H.O.R.I.Z.O.N	13.750.000	-	-	-	13.750.000	-	-	-	-
- Trung tâm Dịch vụ khách hàng - Viễn thông Hà Nội	1.200.000	-	-	-	200.000	1.000.000	-	-	-
- Ngô Thị Kim Dung	-	-	-	30.000.000.000	24.417.000.000	5.583.000.000	-	-	-
- Công ty CP thương mại và giải pháp phần mềm RPS	-	-	-	100.000.000	91.220.935	8.779.065	-	-	-
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	-	-	-	<b>15.621.786.965</b>	-	<b>15.621.786.965</b>	-	-	-
- Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch CK	-	-	-	15.621.786.965	-	15.621.786.965	-	-	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>395.741.673</b>	-	-	<b>14.852.136.507</b>	<b>14.994.847.397</b>	<b>253.030.783</b>	-	-	-
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	395.256.573	-	-	14.716.571.717	14.863.411.257	248.417.033	-	-	-
- Phải thu khác	485.100	-	-	135.564.790	131.436.140	4.613.750	-	-	-
	<b>475.654.629</b>	-	<b>50.000.000</b>	<b>67.093.264.961</b>	<b>45.824.163.152</b>	<b>21.744.756.438</b>	-	<b>50.000.000</b>	<b>(25.000.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp)**

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Đầu năm	15.000.000	25.000.000
Số sử dụng trong năm	-	(25.000.000)
Số trích lập trong năm	10.000.000	15.000.000
<b>Cuối năm</b>	<b>25.000.000</b>	<b>15.000.000</b>

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.830.431.760	11.830.431.760
	<b>11.830.431.760</b>	<b>11.830.431.760</b>

**8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	46.200.000	678.750.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	800.000.000	18.700.000
	<b>846.200.000</b>	<b>697.450.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2013	4.125.658.056	3.640.069.952	2.809.907.404	10.575.635.412
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(467.286.565)	-	(123.025.769)	(590.312.334)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>3.658.371.491</b>	<b>3.640.069.952</b>	<b>2.686.881.635</b>	<b>9.985.323.078</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2013	3.532.298.090	1.321.217.105	2.655.325.530	7.508.840.725
Trích khấu hao	303.177.749	606.678.325	149.531.332	1.059.387.406
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(421.044.329)	-	(117.975.227)	(539.019.556)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>3.414.431.510</b>	<b>1.927.895.430</b>	<b>2.686.881.635</b>	<b>8.029.208.575</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2013	593.359.966	2.318.852.847	154.581.874	3.066.794.687
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>243.939.981</b>	<b>1.712.174.522</b>	<b>-</b>	<b>1.956.114.503</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

5.584.573.943

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm giao dịch, kế toán
	<u>VND</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2013	2.312.949.300
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(47.650.000)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>2.265.299.300</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2013	1.871.535.030
Trích khấu hao	373.713.757
Giảm theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(34.747.245)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>2.210.501.542</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2013	441.414.270
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>54.797.758</u></b>

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	64.983.658.494	86.806.900.000
Đầu tư dài hạn khác	39.950.000.000	122.950.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(3.522.502.237)	(13.737.570.000)
	<b><u>101.411.156.257</u></b>	<b><u>196.019.330.000</u></b>

**Chi tiết các khoản Đầu tư tài chính dài hạn**

Tên đơn vị	Tỷ lệ lợi ích	Số lượng cổ phiếu	Thành tiền VND
<b>Đầu tư chứng khoán dài hạn</b>			<b>64.983.658.494</b>
Công ty CP Khoáng sản Thiên Đức	15,00%	390.000	5.077.358.494
Công ty CP May Đức Giang	15,00%	926.980	25.569.800.000
Công ty CP Điện Máy	2,74%	200.000	6.000.000.000
Công ty CP Khu Nghỉ Dưỡng và Sân Golf Đầm Vạc	3,14%	120.585	28.336.500.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			<b>39.950.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	14,95%	1.495.000	14.950.000.000
Hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà 163 Đai La và 152 Ngọc Lâm Hà Nội			25.000.000.000

(\*) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tại thời điểm 31/12/2013 được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp)**

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>			<b>64.983.658.494</b>	<b>86.806.900.000</b>	<b>(3.517.976.609)</b>	<b>(13.737.570.000)</b>	<b>61.465.681.885</b>	<b>73.069.330.000</b>
<b>Chứng khoán chưa niêm yết</b>			<b>64.983.658.494</b>	<b>86.806.900.000</b>	<b>(3.517.976.609)</b>	<b>(13.737.570.000)</b>	<b>61.465.681.885</b>	<b>73.069.330.000</b>
- Công ty CP khoáng sản Thiên Đức	390.000	530.000	5.077.358.494	6.900.000.000	(42.398.102)	(2.660.000.000)	5.034.960.392	4.240.000.000
- Công ty CP May Đức Giang	926.980	834.980	25.569.800.000	22.349.800.000	-	(11.077.570.000)	25.569.800.000	11.272.230.000
- Công ty CP Khu nghỉ dưỡng và Sân Golf Đầm vạc	120.585	575.571	28.336.500.000	57.557.100.000	(3.331.238.138)	-	25.005.261.862	57.557.100.000
- Công ty Cổ phần Điện máy	200.000	-	6.000.000.000	-	(144.340.369)	-	5.855.659.631	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			<b>39.950.000.000</b>	<b>122.950.000.000</b>	<b>(4.525.627)</b>	<b>-</b>	<b>39.945.474.373</b>	<b>122.950.000.000</b>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	1.495.000	1.495.000	14.950.000.000	14.950.000.000	(4.525.627)	-	14.945.474.373	14.950.000.000
- Hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà 163 Đại La và 152 Ngọc Lâm Hà Nội	-	-	25.000.000.000	108.000.000.000	-	-	25.000.000.000	108.000.000.000
			<b>104.933.658.494</b>	<b>209.756.900.000</b>	<b>(3.522.502.237)</b>	<b>(13.737.570.000)</b>	<b>101.411.156.257</b>	<b>196.019.330.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Đầu năm	17.126.901.639	221.959.613
Tăng	12.550.000	17.514.569.124
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(1.522.914.910)	(609.627.098)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>15.616.536.729</u></b>	<b><u>17.126.901.639</u></b>
<b>Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:</b>		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê nhà tầng 9 tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	13.783.957.216	14.245.989.304
Chi phí sửa chữa tầng 9 tòa nhà ICON 4	1.813.004.865	2.818.573.202
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.574.648	62.339.133
	<b><u>15.616.536.729</u></b>	<b><u>17.126.901.639</u></b>

(\*) Chi phí thuê văn phòng dài hạn là chi phí thuê 720 m<sup>2</sup> tầng 7, tầng 9 tòa nhà Icon 4 số 243 Đê La Thành Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê kể từ ngày 01/09/2012 đến ngày 15/10/2043. Sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau ngày 15/10/2043 thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

**13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	1.863.956.667	1.705.991.570
Tiền nộp bổ sung	61.414.301	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	445.941.034	157.965.097
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>2.371.312.002</u></b>	<b><u>1.863.956.667</u></b>

**14 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng tại tầng 1,2 tòa nhà 163A Đại La (*)	50.000.000.000	-
Các khoản đặt cọc, ký quỹ khác	259.978.625	243.278.625
	<b><u>50.259.978.625</u></b>	<b><u>243.278.625</u></b>

(\*) Hợp đồng đặt cọc ngày 10/12/2013 về việc thực hiện đặt cọc mua Quyền sở hữu văn phòng, Quyền sử dụng đất ở tầng 1 và tầng 2 tòa nhà 163A Đại La với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số vay trong năm</u>	<u>Số trả trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.800.000.000	37.000.000.000	(38.800.000.000)	-
Vay ngân hàng	1.800.000.000	37.000.000.000	(38.800.000.000)	-
	<u>1.800.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>	<u>(38.800.000.000)</u>	<u>-</u>

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	379.894.358	40.533.309
	<u>379.894.358</u>	<u>40.533.309</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Trích trước phí dịch vụ tòa nhà ICON4	288.012.442	-
Chi phí phải trả khác	91.551.187	114.743.719
	<u>379.563.629</u>	<u>114.743.719</u>

**18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.669.585.611	8.828.813.809
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.000.000.000	4.807.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	212.805.136	140.355.240
	<u>3.882.390.747</u>	<u>13.776.169.049</u>

**19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	93.399.194	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	33.000.000	-
	<u>126.399.194</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Năm 2012</b>				
Tại ngày 01/01/2012	503.000.000.000	8.228.377.171	122.316.184	511.350.693.355
Tăng vốn	-	125.227.944	-	125.227.944
Lãi/lỗ trong năm	-	-	(1.192.627.461)	(1.192.627.461)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(125.227.944)	(125.227.944)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>8.353.605.115</b>	<b>(1.195.539.221)</b>	<b>510.158.065.894</b>
<b>Năm 2013</b>				
Tại ngày 01/01/2013	503.000.000.000	8.353.605.115	(1.195.539.221)	510.158.065.894
Lãi/lỗ trong năm	-	-	778.165.024	778.165.024
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>8.353.605.115</b>	<b>(417.374.197)</b>	<b>510.936.230.918</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2013	Tỷ lệ (%)	01/01/2013	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các chủ sở hữu	503.000.000.000	100,00%	503.000.000.000	100,00%
	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	503.000.000.000	503.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	503.000.000.000	503.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	50.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.300.000	50.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**21 . DOANH THU**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>20.764.871.592</b>	<b>33.095.598.872</b>
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	3.722.680.617	2.115.490.547
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.218.886.140	6.912.223.192
- Doanh thu hoạt động tư vấn	1.220.454.545	45.454.545
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	3.231.000	574.000
- Doanh thu khác	13.599.619.290	24.021.856.588
<i>Doanh thu từ lãi tiền gửi</i>	13.219.906.706	23.273.676.534
<i>Doanh thu khác</i>	379.712.584	748.180.054
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>20.764.871.592</b>	<b>33.095.598.872</b>

**22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.924.124.207	1.082.480.292
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	19.167.856.019	11.906.285.658
Chi phí hoạt động tư vấn	-	100.000.000
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	300.000	39.170.259
Chi phí dự phòng/hoàn nhập	(12.346.208.940)	2.314.269.787
Chi phí lãi vay	178.320.000	3.303.753.614
Chi phí trực tiếp chung	2.702.561.382	2.652.368.612
- <i>Chi phí nhân viên</i>	1.616.392.303	940.475.937
- <i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	16.618.855	101.173.141
- <i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	556.571.360	1.090.605.005
- <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	503.273.030	489.679.415
- <i>Chi phí khác bằng tiền</i>	9.705.834	30.435.114
	<b>11.626.952.668</b>	<b>21.398.328.222</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.162.718.597	2.425.633.399
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.406.750.660	501.370.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	876.529.803	1.611.971.498
Thuế, phí và lệ phí	225.614.589	2.327.317.493
Chi phí dự phòng	10.000.000	(10.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.050.407.194	4.819.401.052
Chi phí khác bằng tiền	628.045.815	1.214.894.204
	<b>8.360.066.658</b>	<b>12.890.587.978</b>

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	778.165.024	(1.192.627.461)
Các khoản điều chỉnh giảm	(6.707.625.192)	(3.296.111.591)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.218.886.140)	(3.296.111.591)
- Chuyển lỗ các năm trước	(4.488.739.052)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(5.929.460.168)	(4.488.739.052)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(11.830.431.760)	(11.830.431.760)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(11.830.431.760)</b>	<b>(11.830.431.760)</b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	778.165.024	(1.192.627.461)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	778.165.024	(1.192.627.461)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.300.000	50.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15</b>	<b>(24)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.019.910.999	-	70.117.099.557	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	16.151.977.373	(25.000.000)	460.704.629	(15.000.000)
Các khoản cho vay	98.550.353.451	-	125.114.034.667	-
Đầu tư ngắn hạn	162.383.231.441	(979.484.910)	102.118.955.475	(3.110.626.087)
Đầu tư dài hạn	104.933.658.494	(3.522.502.237)	209.756.900.000	(13.737.570.000)
	<b>432.039.131.758</b>	<b>(4.526.987.147)</b>	<b>507.567.694.328</b>	<b>(16.863.196.087)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	-	1.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả	4.552.669.506	14.956.731.299
Chi phí phải trả	379.563.629	114.743.719
	<b>4.932.233.135</b>	<b>16.871.475.018</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.019.910.999	-	-	50.019.910.999
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	16.126.977.373	-	-	16.126.977.373
Các khoản cho vay	98.550.353.451	-	-	98.550.353.451
Đầu tư ngắn hạn	161.403.746.531	-	-	161.403.746.531
Đầu tư dài hạn	-	-	101.411.156.257	101.411.156.257
	<b>326.100.988.354</b>	<b>-</b>	<b>101.411.156.257</b>	<b>427.512.144.611</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.117.099.557	-	-	70.117.099.557
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	445.704.629	-	-	445.704.629
Các khoản cho vay	125.114.034.667	-	-	125.114.034.667
Đầu tư ngắn hạn	99.008.329.388	-	-	99.008.329.388
Đầu tư dài hạn	-	-	196.019.330.000	196.019.330.000
	<b>294.685.168.241</b>	<b>-</b>	<b>196.019.330.000</b>	<b>490.704.498.241</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	4.552.669.506	-	-	4.552.669.506
Chi phí phải trả	379.563.629	-	-	379.563.629
	<b>4.932.233.135</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.932.233.135</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	14.956.731.299	-	-	14.956.731.299
Chi phí phải trả	114.743.719	-	-	114.743.719
	<b>16.871.475.018</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.871.475.018</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	-
Tiền gửi của nhà đầu tư	2.669.585.611	8.828.813.809
	<b>2.669.585.611</b>	<b>8.828.813.809</b>

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Môi giới, tự doanh, lưu ký	Tư vấn	Thu lãi tiền gửi, Doanh thu khác	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	5.944.797.757	1.220.454.545	13.599.619.290	20.764.871.592
Chi phí bộ phận trực tiếp	11.626.952.668	-	-	11.626.952.668
Chi phí không phân bổ	-	-	-	8.360.066.658
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(5.682.154.911)</b>	<b>1.220.454.545</b>	<b>13.599.619.290</b>	<b>777.852.266</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	189.922.282.060	75.000.000	231.214.540.491	421.211.822.551
Tài sản không phân bổ	-	-	-	95.944.990.612
<b>Tổng tài sản</b>	<b>189.922.282.060</b>	<b>75.000.000</b>	<b>231.214.540.491</b>	<b>517.156.813.163</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	670.278.759	51.000.000	-	721.278.759
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	5.499.303.486
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>670.278.759</b>	<b>51.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.220.582.245</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**Tầng 9, Tòa Nhà ICON4,  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
<b>Ủy thác đầu tư tài chính</b>			
Công ty Cổ phần Vàng Phố Wall	Cùng Tập đoàn	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	60.000.000.000	-
<b>Hợp tác đầu tư</b>			
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Cùng Tập đoàn	(83.000.000.000)	-
<b>Đặt cọc mua nhà</b>			
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Cùng Tập đoàn	50.000.000.000	-
<b>Repo chứng khoán</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	24.900.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
<b>Góp vốn</b>			
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Cùng Tập đoàn	14.950.000.000	14.950.000.000
<b>Ủy thác đầu tư tài chính</b>			
Công ty Cổ phần Vàng Phố Wall	Cùng Tập đoàn	52.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	60.000.000.000	-
<b>Hợp tác đầu tư</b>			
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Đô Thị Phố Wall	Cùng Tập đoàn	25.000.000.000	108.000.000.000
<b>Repo chứng khoán</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất Nhập khẩu HFC Việt Nam	Cùng Tập đoàn	24.900.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	641.285.999	513.002.217

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên báo cáo năm trước
	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>		
		8.828.813.809
		4.947.355.240
		3.616.111.601
		27.317.968.179

Hà Nội, Ngày 18 tháng 04 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG  
KHOÁN PHỐ WALL  
P. CHỦ TỊCH HĐQT  
KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC**



**Phạm Diễm Hoa**